

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

Số: 74 /TTLĐNN-TCLĐ

V/v thông báo danh sách người lao động
xuất cảnh đi làm việc tại Hàn Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Sở Nội Vụ

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở danh sách người lao động xuất cảnh vào ngày 03/02/2026 (*danh sách kèm theo*). Để công tác tổ chức xuất cảnh được thực hiện đúng kế hoạch, tuân thủ các quy định, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng đề nghị quý Sở phối hợp thông báo đến người lao động những nội dung như sau:

1. Kế hoạch tổ chức xuất cảnh:

1.1. Kế hoạch tổ chức xuất cảnh:

- Thời gian hướng dẫn thủ tục xuất cảnh: **07h30**

1.2 Địa điểm tập trung và khám sức khỏe

- **Địa điểm tập trung làm thủ tục xuất cảnh, khám sức khỏe và xét nghiệm: Khách sạn Khăn Quàng Đỏ - số 94 ngõ 189 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội.**

Nội dung khám: Xét nghiệm Giang mai, chất gây nghiện, chẩn đoán thai sản (đối với nữ), chụp X-Quang tim phổi.

- Đối với nội dung chụp X-Quang tim phổi chỉ thực hiện đối với người lao động có thời gian kể từ khi khám sức khỏe tại khóa học định hướng đến ngày xuất cảnh : trên 03 tháng;

- Tiền khám sức khỏe: chụp X-Quang tim phổi: 65.000 đồng, xét nghiệm Giang mai: 60.000 đồng; xét nghiệm chất gây nghiện: 150.000 đồng, chẩn đoán thai sản: 30.000 đồng. Người lao động nộp tiền khám sức khỏe trực tiếp cho bệnh viện khám sức khỏe (cán bộ bệnh viện hướng dẫn thủ tục khám sức khỏe chi Tú, số điện thoại: 097.760.2525)

- Người lao động có nhu cầu đặt phòng ở liên hệ với Khách sạn Khăn Quàng Đỏ theo số điện thoại: 024.3723.6727 để được hỗ trợ.

2. Người lao động cần chuẩn bị khi đến tập trung xuất cảnh:

- **Mang theo các loại giấy tờ sau:**

+ 01 Giấy xác nhận ký quỹ; 01 bản Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc; 01 bản Hợp đồng ký quỹ.

+ 04 ảnh kích thước 3cmx4cm, bút bi, 01 điện thoại smart phone có sử dụng sim 3G hoặc 4G.

+ Giấy tờ mang theo để mở tài khoản ngân hàng tại Hàn Quốc: Căn cước công dân (bản gốc và 02 bản photocopy có chứng thực); 02 bản photocopy Hộ chiếu; 03 hợp đồng ký giữa doanh nghiệp Hàn Quốc với người lao động; **thông tin**

về mã số thuế cá nhân (người lao động có thể đăng ký mã số thuế cá nhân theo hình thức trực tuyến tại trang thông tin điện tử của Tổng cục thuế).

- Nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước (các khoản thu hộ) như sau:

+ Phí soi chiếu an ninh tại sân bay Nội Bài: 10,5 USD gồm 1,5 USD tiền phí dịch vụ soi chiếu an ninh tại sân bay Nội Bài và 9 USD tiền tăng phí dịch vụ hành khách tại sân bay quốc tế Nội Bài áp dụng từ ngày 01/01/2015 (quy đổi theo tỷ giá do hãng hàng không thông báo vào ngày lao động xuất cảnh);

+ Người lao động nộp bù hoặc được Trung tâm Lao động ngoài nước hoàn trả tiền chênh lệch vé máy bay theo tỷ giá giữa thời điểm nộp tiền và thời điểm xuất cảnh (nếu có).

+ Tham gia Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước: 100.000 đồng

+ Chi phí tổ chức xuất cảnh: 90.000 đồng

- Nộp cho đơn vị cung cấp đồng phục xuất cảnh: trang phục (mùa đông): 295.000 đồng

Trung tâm thu tiền bằng hình thức chuyển khoản: người lao động nộp các khoản tiền xuất cảnh theo hướng dẫn tại link sau: : <https://zalo.me/g/ygiama737>

Thời gian hoàn thành việc nộp tiền: trước 14h00 ngày 02 tháng 02 năm 2026

Lưu ý: Trường hợp người lao động đã nộp tiền nhưng không xuất cảnh vì các lý do khác nhau, đề nghị đến trụ sở Trung tâm Lao động ngoài nước – số 1 Trịnh Hoài Đức – Ô Chợ Dừa – Hà Nội để nhận lại các khoản tiền đã nộp (nếu có) trong ngày 04/02/2026.

- Các khoản tiền nộp tại Hàn Quốc: người lao động mang theo khoảng 500 USD để mua bảo hiểm rủi ro và bảo hiểm hồi hương;

3. Một số nội dung khác

- Người lao động được mang tối đa 23kg hành lý ký gửi và 10kg hành lý xách tay khi xuất cảnh; **tuyệt đối không được mang các loại lương thực và thực phẩm được làm từ thịt, thủy hải sản, các loại rau, củ, quả và các loại hàng hóa bị Hàn Quốc cấm mang theo khi nhập cảnh và không được vận chuyển theo quy định của các hãng hàng không.** Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ kiểm tra hành lý của người lao động tại nơi tập trung xuất cảnh, nếu phát hiện mang các hàng hóa thuộc danh mục bị cấm nêu trên, sẽ tạm dừng xuất cảnh, xử lý theo quy định.

- Trang phục khi tập trung thực hiện thủ tục xuất cảnh: yêu cầu người lao động mặc quần dài tối màu, đi giày thể thao; áo và mũ đồng phục được phát tại điểm tập trung.

- Trước khi xuất cảnh, người lao động không nên tổ chức liên hoan, chia tay; không nên tham gia các hoạt động tập trung đông người do **thời gian gần đây, một số trường hợp người lao động liên hoan chia tay, bị tai nạn dẫn đến không đủ điều kiện xuất cảnh bị chủ sử dụng lao động hủy hợp đồng.**

- Để tránh trường hợp người lao động sau khi nhập cảnh Hàn Quốc, phải về nước vì lý do kết quả xét nghiệm dương tính với chất gây nghiện, **đề nghị quý Sở**

khuyến cáo người lao động trước thời gian xuất cảnh (khoảng 3-4 ngày) không sử dụng các loại thuốc có thành phần là Codein, Scopolamin, các hoạt chất có trong cây thuốc phiện, bao gồm các loại thuốc sau đây: thuốc ho, thuốc giảm đau, thuốc chống say tàu xe, thuốc đi ngoài, thuốc chống nôn.

- Sau khi nhập cảnh phải tuyệt đối tuân thủ các quy của cơ quan chức năng Hàn Quốc, trong trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Hàn Quốc và có thể bị yêu cầu về nước.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Sở./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc TT (để b/c)
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT, VP (để t/h);
- P.QL và HTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Lan

RU
LAC
GO

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG XUẤT CẢNH NGÀY 03/02/2026
(Kèm theo Công văn số 1/TTLDNN-TCLĐ ngày 28/01/2026 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Thẻ tên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Số báo danh	Đăng ký dự tuyển	Ghi chú (Theo đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1	MA-1	Lê Đình Tài	24/10/1994	Nam	SXCT	0082024C50322951	Nghệ An	Nghệ An
2	MA-2	Nguyễn Minh Hiếu	16/06/1998	Nam	SXCT	0082024C50302168	Hải Phòng	Hải Dương
3	MA-3	Nguyễn Cẩm Giang	11/02/2000	Nữ	SXCT	0082025C50837956	An Giang	An Giang
4	MA-4	Nguyễn Thị Trà Giang	15/11/2001	Nữ	SXCT	0082025C50801909	Hải Phòng	Hải Phòng
5	MA-5	Đậu Khắc Thái	29/10/1990	Nam	SXCT	0082024C50326257	Nghệ An	Nghệ An
6	MA-6	Trương Minh Trường Vũ	05/06/2004	Nam	SXCT	0082024C50322947	Nghệ An	Nghệ An
7	MA-7	Nguyễn Sỹ Thắng	10/12/1999	Nam	SXCT	0082024C50317874	Thanh Hóa	Thanh Hóa
8	MA-8	Nguyễn Văn Mạnh	12/04/1995	Nam	SXCT	0082024C50333822	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
9	MA-9	Phạm Đức Tuệ	22/03/1997	Nam	SXCT	0082024C50334190	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
10	MA-10	Ngô Đào Nhất	10/01/1992	Nam	SXCT	0082024C50303842	Ninh Bình	Hà Nam
11	MA-11	Nguyễn Văn Du	17/07/1992	Nam	SXCT	0082024C50303732	Ninh Bình	Hà Nam
12	MA-12	Lê Thị Lan Anh	11/09/2003	Nữ	SXCT	0082024C50331742	Quảng Trị	Quảng Trị
13	MA-13	Nguyễn Thị Mến	20/05/2000	Nữ	SXCT	0082024C50333852	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
14	MA-14	Đàm Văn Phát	07/01/1998	Nam	SXCT	0082024C50307294	Bắc Ninh	Bắc Giang
15	MA-15	Lê Xuân Khôi	14/04/1998	Nam	SXCT	0082024C50314603	Thanh Hóa	Thanh Hóa
16	MA-16	Phạm Đức Anh	25/11/2002	Nam	SXCT	0082024C50321977	Thanh Hóa	Thanh Hóa
17	MA-17	Trần Tiến Đạt	20/01/2005	Nam	SXCT	0082024C50310847	Ninh Bình	Nam Định
18	MA-18	Trần Tử Hùng	07/10/2001	Nam	SXCT	0082024C50325048	Nghệ An	Nghệ An
19	MA-19	Trần Quốc Hiếu	12/07/2001	Nam	SXCT	0082024C50308096	Bắc Ninh	Bắc Giang
20	MA-20	Phạm Ngọc Nam	25/12/2000	Nam	SXCT	0082025C50837156	Tp Hồ Chí Minh	Bình Dương
21	MA-21	Vũ Đình Nam	26/12/1999	Nam	SXCT	0082025C50817609	Thanh Hóa	Thanh Hóa
22	MA-22	Trần Văn Long	02/08/1990	Nam	SXCT	0082024C50311931	Ninh Bình	Ninh Bình

23	MA-23	Lê Văn Liên	14/04/1994	Nam	SXCT	0082024C50302700	Hải Phòng	Hải Dương
24	MA-24	Lý Văn Cường	20/09/1988	Nam	SXCT	0082024C50320863	Thanh Hóa	Thanh Hóa
25	MA-25	Nguyễn Văn Trí	04/05/1988	Nam	SXCT	0082024C50332507	Đà Nẵng	Đà Nẵng
26	MA-26	Nguyễn Minh Ngọc	29/11/2004	Nam	SXCT	0082024C50318232	Thanh Hóa	Thanh Hóa
27	MA-27	Bùi Đức Anh	28/08/2003	Nam	SXCT	0082024C50340050	Hà Nội	Hà Nội
28	MA-28	Nguyễn Thị Thùy	10/06/2005	Nữ	SXCT	0082024C50325629	Nghệ An	Nghệ An
29	MA-29	Đỗ Thị Ánh	13/01/2002	Nữ	SXCT	0082024C50314757	Thanh Hóa	Thanh Hóa
30	MA-30	Dương Thị Hoài	07/06/2001	Nữ	SXCT	0082024C50310694	Ninh Bình	Nam Định
31	MA-31	Hà Thị Thúc	12/03/2001	Nữ	SXCT	0082024C50314285	Thanh Hóa	Thanh Hóa
32	MA-32	Hoàng Thị Thủy	24/12/1999	Nữ	SXCT	0082024C50317694	Thanh Hóa	Thanh Hóa
33	MA-33	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	22/10/2000	Nữ	SXCT	0082024C50311834	Ninh Bình	Ninh Bình
34	MA-34	Phạm Thị Hải Anh	02/01/2001	Nữ	SXCT	0082024C50303713	Ninh Bình	Hà Nam
35	MA-35	Lê Văn Bách	02/11/1999	Nam	SXCT	0082024C50314279	Thanh Hóa	Thanh Hóa
36	MA-36	Lương Đình Thắng	01/11/2002	Nam	SXCT	0082025C50832672	Đà Nẵng	Quảng Nam
37	MA-37	Trần Văn Hường	10/07/1993	Nam	SXCT	0082024C50311883	Ninh Bình	Ninh Bình
38	MA-38	Trịnh Minh Vinh	23/09/2005	Nam	SXCT	0082024C50314772	Thanh Hóa	Thanh Hóa
39	MA-39	Bùi Văn Thanh	27/10/1994	Nam	SXCT	0082024C50345404	Thanh Hóa	Thanh Hóa
40	MA-40	Nguyễn Văn Luân	25/10/1993	Nam	SXCT	0082024C50311878	Ninh Bình	Ninh Bình
41	MA-41	Hà Văn Chung	15/02/1992	Nam	SXCT	0082024C50316462	Thanh Hóa	Thanh Hóa
42	MA-42	Nguyễn Văn Sỹ	02/10/2000	Nam	SXCT	0082024C50325551	Nghệ An	Nghệ An
43	MA-43	Trần Đình Công	27/12/1997	Nam	SXCT	0082024C50323127	Nghệ An	Nghệ An
44	MA-44	Nguyễn Thanh Bắc	16/01/1996	Nam	SXCT	0082024C50334174	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
45	MA-45	Lê Xuân Hùng	02/05/1995	Nam	SXCT	0082024C50318713	Thanh Hóa	Thanh Hóa
46	MA-46	Thái Đàm Sao	12/10/1995	Nam	SXCT	0082024C50325228	Nghệ An	Nghệ An
47	MA-47	Trương Đình Trang	15/09/1996	Nam	SXCT	0082024C50307256	Bắc Ninh	Bắc Giang
48	MA-48	Vũ Văn Quyền	23/07/1995	Nam	SXCT	0082024C50314704	Thanh Hóa	Thanh Hóa

49	MA-49	Dương Văn Trung	17/05/2005	Nam	SXCT	0082024C50303363	Hung Yên	Hung Yên
50	MA-50	Nguyễn Ngọc Hải	21/06/2001	Nam	SXCT	0082024C50311929	Ninh Bình	Ninh Bình
51	MA-51	Đoàn Trọng Tinh	14/11/2003	Nam	SXCT	0082024C50320019	Thanh Hóa	Thanh Hóa
52	MA-52	Hoàng Văn Việt	20/09/1997	Nam	SXCT	0082024C50345238	Thanh Hóa	Thanh Hóa
53	MA-53	Lê Văn Thiên	18/11/2001	Nam	SXCT	0082024C50314756	Thanh Hóa	Thanh Hóa
54	MA-54	Nguyễn Bá Đạt	23/07/2004	Nam	SXCT	0082024C50325299	Nghệ An	Nghệ An
55	MA-55	Trần Đình Sỹ	17/01/1998	Nam	SXCT	0082024C50325310	Nghệ An	Nghệ An
56	MA-56	Hoàng Ngọc Hạnh	27/11/1997	Nam	SXCT	0082024C50315737	Thanh Hóa	Thanh Hóa
57	MA-57	Lê Trần Lượng	25/12/1994	Nam	SXCT	0082024C50317672	Thanh Hóa	Thanh Hóa
58	MA-58	Nguyễn Văn Hiếu	10/08/1997	Nam	SXCT	0082024C50325610	Nghệ An	Nghệ An
59	MA-59	Nguyễn Thị Trang	05/10/2005	Nữ	SXCT	0082024C50307870	Bắc Ninh	Bắc Giang
60	MA-60	Đinh Tiến Đạt	03/12/2001	Nam	SXCT	0082024C50320590	Thanh Hóa	Thanh Hóa
61	MA-61	Lê Hoàng Phong	22/07/2005	Nam	SXCT	0082024C50321108	Thanh Hóa	Thanh Hóa
62	MA-62	Dương Văn Nam	01/08/1995	Nam	SXCT	0082024C50316742	Thanh Hóa	Thanh Hóa
63	MA-63	Lê Viết Hai	10/08/1993	Nam	SXCT	0082024C50320013	Thanh Hóa	Thanh Hóa
64	MA-64	Nguyễn Văn Toàn	12/06/1990	Nam	SXCT	0082024C50322440	Nghệ An	Nghệ An
65	MA-65	Bùi Văn Huân	12/08/1998	Nam	SXCT	0082024C50321350	Thanh Hóa	Thanh Hóa
66	MA-66	Lê Văn Anh	30/06/1992	Nam	SXCT	0082024C50345357	Thanh Hóa	Thanh Hóa
67	MA-67	Nguyễn Thị Trúc Linh	04/04/2005	Nữ	SXCT	0082024C50338004	Đồng Tháp	Đồng Tháp
68	MA-68	Nguyễn Thị Phương	18/03/1999	Nữ	SXCT	0082024C50307678	Bắc Ninh	Bắc Giang
69	MA-69	Đàm Văn Tiến	05/05/2002	Nam	SXCT	0082025C50823628	Nghệ An	Nghệ An
70	MA-70	Hồ Vũ Khoa	23/04/2002	Nam	SXCT	0082025C50838135	Vĩnh Long	Vĩnh Long
71	MA-71	Lê Văn Thanh	27/05/1998	Nam	SXCT	0082025C50832737	Đà Nẵng	Quảng Nam
72	MA-72	Nguyễn Đức Hoàng	22/05/2004	Nam	SXCT	0082024C50301318	Hà Nội	Hà Nội
73	MA-73	Lê Trần Hoàng	29/09/2004	Nam	SXCT	0082025C50816388	Thanh Hóa	Thanh Hóa
74	MA-74	Nguyễn Anh Vũ	31/03/2005	Nam	SXCT	0082025C50830505	Quảng Trị	Quảng Bình

75	MA-75	Đinh Văn Ngọc	11/07/2002	Nam	SXCT	0082024C50322025	Nghệ An	Nghệ An
76	MA-76	Lê Văn Sơn	12/07/2000	Nam	SXCT	0082024C50321265	Thanh Hóa	Thanh Hóa
77	MA-77	Mai Thị Lệ Huyền	01/11/1997	Nữ	SXCT	0082024C50310510	Ninh Bình	Nam Định
78	MA-78	Ngô Thị Tươi	02/08/1999	Nữ	SXCT	0082024C50310247	Ninh Bình	Nam Định
79	MA-79	Phạm Thị Huyền Trang	18/09/1998	Nữ	SXCT	0082024C50303802	Ninh Bình	Hà Nam
80	MA-80	Tạ Thị Hiền	02/08/1999	Nữ	SXCT	0082024C50331748	Quảng Trị	Quảng Trị
81	MA-81	Lý Thị Trúc Vi	27/08/2000	Nữ	SXCT	0082024C50331207	Quảng Trị	Quảng Trị
82	MA-82	Nguyễn Thị Minh Trang	19/05/1996	Nữ	SXCT	0082024C50330850	Quảng Trị	Quảng Bình
83	MA-83	Trần Thị Bình	13/10/2000	Nữ	SXCT	0082024C50303277	Hung Yên	Hung Yên
84	MA-84	Trần Thanh Khương	28/06/1998	Nam	SXCT	0082025C50836105	Khánh Hòa	Khánh Hòa
85	MA-85	Nguyễn Ngọc Dũng	01/02/2002	Nam	SXCT	0082024C50317478	Thanh Hóa	Thanh Hóa
86	MA-86	Trần Văn Hùng	02/11/2002	Nam	SXCT	0082024C50326265	Nghệ An	Nghệ An
87	MA-87	Lê Văn Dũng	27/03/1993	Nam	SXCT	0082024C50314796	Thanh Hóa	Thanh Hóa
88	MA-88	Nguyễn Văn Hoàng	05/05/1994	Nam	SXCT	0082024C50333605	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
89	MA-89	Lê Cao Quyền	07/03/1991	Nam	SXCT	0082024C50302227	Hải Phòng	Hải Dương
90	MA-90	Lê Công Bình	16/09/1991	Nam	SXCT	0082024C50314261	Thanh Hóa	Thanh Hóa
91	MA-91	Đỗ Thanh Hiệp	02/09/2003	Nam	SXCT	0082024C50320091	Thanh Hóa	Thanh Hóa
92	MA-92	Cao Văn Công	26/03/1992	Nam	SXCT	0082024C50318494	Thanh Hóa	Thanh Hóa
93	MA-93	Nguyễn Văn Tùng	16/09/2000	Nam	SXCT	0082024C50317280	Thanh Hóa	Thanh Hóa
94	MA-94	Phùng Văn Tân	10/10/1993	Nam	SXCT	0082024C50318548	Thanh Hóa	Thanh Hóa
95	CO-1	Lê Bá Long	05/09/1986	Nam	Xây dựng	0082023C50562924	Thanh Hóa	Thanh Hóa
96	CO-2	Nguyễn Văn Vũ	29/11/2003	Nam	Xây dựng	0082023C50560001	Hà Nội	Hà Nội
97	CO-3	Trần Hoàng Quý	18/03/2003	Nam	Xây dựng	0082024C50381981	Cà Mau	Cà Mau
98	FO-1	Ngân Thanh Thoại	15/03/2002	Nam	Lâm nghiệp	0082024C50371117	Thanh Hóa	Thanh Hóa
99	FO-2	Nguyễn Anh Chung	24/07/1997	Nam	Lâm nghiệp	0082024C50373705	Thanh Hóa	Thanh Hóa
100	FO-3	Nguyễn Phát Huy	09/07/2000	Nam	Lâm nghiệp	0082024C50372263	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi

101	FO-4	Nông Xuân Tuyền	03/05/1999	Nam	Lâm nghiệp	0082024C50370773	Bắc Ninh	Bắc Giang
102	FO-5	Phương Tiến Dũng	22/03/2001	Nam	Lâm nghiệp	0082024C50370280	Lạng Sơn	Lạng Sơn
103	FO-6	Thái Hoàng Dương	28/05/1997	Nam	Lâm nghiệp	0082024C50372154	Đà Nẵng	Quảng Nam
104	FO-7	Đào Văn Giới	14/11/1992	Nam	Lâm nghiệp	0082024C50370658	Bắc Ninh	Bắc Giang
105	FO-8	Nguyễn Văn Lý	01/05/1985	Nam	Lâm nghiệp	0082024C50370548	Bắc Ninh	Bắc Giang

